TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 290/2026/DS-ST
Ngày: 23/4/2026
Về "tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Duy Hùng;

2. Ông Trần Văn Lời;

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Đào Tuấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp:* Không tham gia.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 529/2025/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp "*Hợp đồng góp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 223/2026/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 238/2026/QĐST-DS ngày 02/4/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Lê Đình T**, sinh năm 1979.

CCCD số: 082079014172;

Địa chỉ: Số E L, khu phố B, phường G, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền: **Phan Thị Cẩm V**, sinh năm 2002.

CCCD số: 082302010958;

Địa chỉ liên hệ: 193 T, ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: **Trần Thanh T1**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: T, khu phố A, phường G, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông **Lê Văn T2**, sinh năm 1952.

CCCD số: 082052000678;

2. Ông **Lê Đình T3**, sinh năm 1981.

CCCD số: 082081015716;

Cùng địa chỉ: Số E L, khu phố B, phường G, tỉnh Đồng Tháp.

3. Bà **Lê Đình Thúy T4**, sinh năm 1983.

Hộ chiếu số: A34113521;

Địa chỉ: A B, R, L, USA.

Đại diện theo ủy quyền của ông T2, ông T3, bà T4: **Phan Thị Cẩm V**, sinh năm 2002.

CCCD số: 082302010958;

Địa chỉ liên hệ: 193 T, ấp H, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị V có đơn xin vắng mặt; bà T1 vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Lê Đình T có người đại diện theo ủy quyền bà Phan Thị Cẩm V trình bày:*

Do mối quan hệ quen biết nên bà Trần Thanh T1 có tham gia góp hụi do mẹ anh T là bà Ngô Thúy P (đã chết) làm thảo hụi, loại hụi có hoa hồng cho chủ thảo, các dây hụi cụ thể như sau:

- Dây 1: Hụi 10.000.000 đồng/tháng/phần, mở ngày 03/5/2022, mãn ngày 30/8/2023, hụi có 15 phần, bà T1 tham gia 01 phần, bà T1 hốt kỳ đầu tiên với số tiền sau khi trừ thảo là 109.800.000 đồng, bà T1 còn nợ lại 14 kỳ hụi chết chưa góp với số tiền là 140.000.000 đồng.

- Dây 2: Hụi 10.000.000 đồng/tháng/phần, mở ngày 20/9/2023, mãn ngày 20/12/2024, hụi có 15 phần, bà T1 tham gia 02 phần cụ thể như sau:

+ Phần 1 bà T1 góp được 02 kỳ, hốt kỳ thứ 3 với số tiền sau khi trừ thảo là 109.800.000 đồng, bà T1 còn nợ lại 12 kỳ hụi chết chưa góp với số tiền là 120.000.000 đồng.

+ Phần 2 bà T1 góp được 03 kỳ, hốt kỳ thứ 4 với số tiền sau khi trừ thảo là 110.250.000 đồng, bà T1 còn nợ lại 11 kỳ hụi chết chưa góp với số tiền 110.000.000 đồng.

Tổng cộng 02 dây hụi (03 phần), bà T1 còn nợ số tiền hụi chết là 370.000.000 đồng.

Đến nay các dây hụi đã mãn lâu nhưng bà T1 không góp lại cho mẹ anh kỳ hụi nào nên phát sinh tranh chấp. Anh T5 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thanh T1 trả số tiền hụi còn nợ tổng cộng là 370.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất. Thời gian thực hiện sau khi án có hiệu lực pháp luật.

** Theo bản tự khai và quá trình tố tụng, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Văn T2, Lê Đình T3 và Lê Đình Thúy T4 có người đại diện theo ủy quyền bà Phan Thị Cẩm V trình bày:* Ông T2, anh T3, chị T4 cũng là người kế thừa quyền của bà Ngô Thúy P (đã chết) thống nhất với ý kiến, yêu cầu của ông T5 trong vụ án.

** Bị đơn bà Trần Thanh T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng bà B không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.*

** Tại phiên tòa:*

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị Cẩm V có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn bà Trần Thanh T1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Lê Đình T khởi kiện yêu cầu bà Trần Thanh T1 trả lại số tiền nợ hụi, nên xác định đây là tranh chấp về "*hợp đồng góp hụi*", theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại phường G, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp theo quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị Cẩm V có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Trần Thanh T1 đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và thông báo dự phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị V và bà T1.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Đối với khoản tiền hụi: Để chứng minh cho việc của mình, phía nguyên đã cung cấp 03 tờ biên nhận hụi viết tay trên giấy tập học sinh ngày 03/5/2022; ngày 20/11/2023 và ngày 20/12/2023 có chữ ký, chữ viết tên "Trần Thanh T1" tại mục "người nhận". Trong từng tờ biên nhận hụi đều có thể hiện nội dung ngày khui hụi, số tiền hụi hốt được và ngày hốt hụi; phía nguyên đơn cho rằng khi bà Ngô Thúy P còn sống có giao dịch góp hụi với bị đơn bà T1, sau khi bà T1 lĩnh tiền hụi xong và đến kỳ góp hụi bà không thực hiện, đến nay các dây hụi đã kết thúc, nhưng bà T1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ đối với bà P. Nay bà P đã chết, anh T là người kế thừa quyền của bà P yêu cầu bà T1 trả số tiền nợ hụi là có căn cứ.

[3.2] Bà Trần Thanh T1 mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên căn cứ vào Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà T1 phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ của phía nguyên đơn cung cấp, xác định giao dịch góp hụi giữa bà T1 và bà P (mẹ của anh T) là có thật, và việc anh T kế thừa quyền của mẹ anh khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T1 trả số tiền hụi chết của 02 dây hụi (03 phần) với số tiền 370.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Ngoài nguyên đơn là anh T còn có những người có quyền lợi liên quan như ông T2, anh T3, chị T4 cũng là những người kế thừa quyền của bà P. Tuy nhiên, nay ông T2, anh T3, chị T4 thống nhất theo yêu cầu của anh T, nên Hội đồng xét xử buộc bị đơn có nghĩa vụ trả tiền cho anh T. Trường hợp sau này giữa anh T, ông T2, anh T3, chị T4 có tranh chấp về phân chia khoản tiền trên thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[3.3] Về tiền lãi: Nguyên đơn ông Lê Đình T không yêu cầu lãi xuất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ: Nguyên đơn yêu cầu trả nợ khi án có hiệu lực pháp luật, bị đơn vắng mặt không có ý kiến. Do vậy, cần buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 471, Điều 357, Điều 468; Điều 614; Điều 651 Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đình T.

1. Buộc bà Trần Thanh T1 có nghĩa vụ trả cho ông Lê Đình T số tiền nợ hụi tổng cộng là 370.000.000 đồng *(ba trăm bảy mươi triệu đồng)*. Thực hiện khi bản án có hiệu lực.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu khoản tiền lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

- Bà Trần Thanh T1 phải chịu 18.500.000 đồng *(mười tám triệu năm trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Lê Đình T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. H lại ông T 9.250.000 đồng *(chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0005739 ngày 23/10/2025 và biên lai số 0001064 ngày 16/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo

bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Lắm

Nơi nhận:
- VKSND KV2 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.